

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 25-7-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phích

Ông Đặng Huy Du

Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Th Hương.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Hoài Th, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn 4, xã Thỷ S, huyện Thỷ Ng (tổ dân phố số 4, phường Thỷ Đ, thành phố Thỷ Ng), (nay là phường Thỷ Ng), thành phố Hải Ph; nơi ở hiện nay: Số nhà 470, tổ 11, Bắc S, thành phố Tam Đ, (nay là phường Bắc S), tỉnh Ninh B; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Thôn 4, xã Thỷ S, huyện Thỷ Ng (tổ dân phố số 4, phường Thỷ Đ, thành phố Thỷ Ng), (nay là phường Thỷ Ng), thành phố Hải Ph, hiện ở Cộng hoà Liên bang Ng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nhận ngày 08 tháng 4 năm 2025 và các lời khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hoài Th trình bày:

Chị Th và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình ngày 06/3/2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình nhà anh D ở Thôn 4, xã Thỷ Sơn, huyện Thỷ Nguyên (tổ dân phố số 4, phường Thỷ Đường, thành phố Thỷ Nguyên), (nay là phường Thỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn trong khoảng thời gian được hai năm. Đến năm 2008, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống về sinh hoạt gia đình và kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2008 anh chị ly thân sau đó anh D đi sang CHLB Nga để lao động. Từ đó đến nay anh D không về Việt Nam và thỉnh thoảng vẫn liên lạc với chị để hỏi thăm đến các con nhưng gia đình không biết cụ thể địa chỉ của anh D ở bên CHLB Nga. Chị Th cho rằng anh D cố tình giấu địa chỉ và không muốn cho chị biết hiện nay đang ở đâu. Nay vợ chồng anh, chị đã ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để hai bên còn giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh D có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/02/2006 và Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/3/2011; hiện con chung Nguyễn Trung K đã trưởng thành nên chị Th không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Ly hôn chị Th đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Nguyễn Châu A cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chị với anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh D không có văn bản trình bày ý kiến. Nguyên đơn chị Th chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh D mà không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài.

Xác minh qua mẹ đẻ của anh D được biết anh D vẫn liên lạc với gia đình ở trong nước nhưng không cung cấp địa chỉ. Gia đình đã thông báo cho anh D về việc Tòa án đang giải quyết đơn ly hôn của chị Th, anh D có ý kiến đồng ý với quan điểm của chị Th về tình cảm, con chung. Tuy nhiên, do bận công việc và sống xa nơi có Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Nga nên anh D không gửi tài liệu về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hoài Th và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình ngày 06/3/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh D ra nước ngoài sinh sống và làm việc từ năm 2008 đến nay. Từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, việc anh Dũng có đơn xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Th và anh D có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/02/2006 và Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/3/2011; hiện con chung Nguyễn Trung K đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện cháu Châu Anh đang ở với chị Th, chị Th có nguyện vọng được nuôi con và cháu Châu Anh cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Hiện anh D sinh sống ở nước ngoài không rõ địa chỉ, do vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị Th là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Hoài Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú tại nước ngoài nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Theo Công văn số 2581/PA08 (Đ1) ngày 19/5/2025 của Phòng quản lý Xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cho thấy anh Nguyễn Văn D đã xuất cảnh gần nhất là ngày 19/10/2008 qua Cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài,

hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hai lần yêu cầu mẹ đẻ của anh D là bà Đào Thị Vương cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng bà Vương không cung cấp được. Bà Đào Thị Vương trình bày anh D hiện đang sinh sống ở CHLB Nga, vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể. Bà Vương đã thông báo cho anh D về việc Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý giải quyết đơn ly hôn của chị Th, anh D có ý kiến do anh bận công việc, hơn nữa nơi anh D sinh sống cách xa Đại sứ quán Việt Nam nên không thể gửi tài liệu về cho Toà án. Từ căn cứ trên cho thấy việc xin ly hôn của chị Bùi Thị Hoài Th Thộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên toà, nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hoài Th và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình ngày 06/3/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được hai năm. Năm 2008 anh D sang CHLB Nga sinh sống và làm việc thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn do xa cách về địa lý, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Đến nay, chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn sự quan tâm, trách nhiệm với nhau, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mặt khác, qua trình bày của mẹ đẻ anh D là bà Đào Thị Vương cho thấy anh D đã được biết việc chị Th có đơn xin ly hôn. Anh D có quan điểm đồng ý ly hôn chị Th do tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, việc chị Bùi Thị Hoài Th yêu cầu ly hôn là có cơ sở, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh D có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/02/2006 và Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/3/2011; hiện con chung Nguyễn Trung K đã trưởng thành nên chị không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết. Hiện nay cháu Châu Anh đang sống cùng với chị Th. Chị Th đề nghị Toà án giải quyết giao con chung Châu Anh cho chị nuôi. Ngoài ra, theo bà Đào Thị Vương là mẹ đẻ của anh D, liên lạc với anh D qua điện thoại, anh D đồng ý giao con chung Nguyễn Châu A cho chị Th nuôi con đến khi con thành niên. Cháu Nguyễn Châu A cũng có đơn đề nghị được sống với mẹ đẻ ổn định việc học tập và sinh hoạt. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Th sẽ tự thỏa thuận với anh D mà không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình, cần giao con chung Nguyễn Châu A cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Hoài Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hoài Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Hoài Th và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hoài Th được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/3/2011 cho chị Bùi Thị Hoài Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa Thận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Hoài Th phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001247 ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, được trừ vào tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Th phải chịu. Chị Bùi Thị Hoài Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:

- Chị Bùi Thị Hoài Th được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Bắc Sơn, tỉnh Ninh Bình (GCNKH số 15 ngày 06/3/2006);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Phích**





